

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/9/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Đăng Thanh.

2. Ông: Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thân Thị Hồng Q** - sinh năm 1985.

- Trú quán: Thôn Đ - Xã PS - LNg - BG.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1979.

- Trú quán: Thôn Đ - Xã PS - LNg - BG.

Chị Q anh T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 8/5/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Thân Thị Hồng Q, lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Thân Thị Hồng Q kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào tháng 02 năm 2009. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị Q anh T có đến Ủy ban nhân dân xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới Chị Q anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn Đầm - Xã Phượng Sơn - huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang. Tình

cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị Q cho rằng đến năm 2015 chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau dẫn đến thường xuyên lời qua tiếng lại, hai bên vẫn ở chung một nhà nhưng không quan tâm tới nhau. Anh T cho rằng giữa anh và Chị Q trong cuộc sống vợ chồng có một số bất đồng quan điểm sống dẫn đến tranh luận làm cho cuộc sống vợ chồng căng thẳng, Tuy nhiên anh T cho rằng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống không nghiêm trọng lắm. Nay Chị Q xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với Chị Q, Chị Q xin ly hôn anh không đồng ý, nếu Chị Q kiên quyết ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị Q anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K - Sinh ngày 11/02/2011. Vợ chồng ly hôn Chị Q, anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K, không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu K trong lời khai của mình trình bày nguyện vọng được ở với Chị Q khi Chị Q anh T ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh T đều xác nhận có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa Chị Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh T xác định tình cảm vợ chồng với Chị Q vẫn còn, Chị Q kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung nếu ly hôn anh T đồng ý để Chị Q nuôi dưỡng con chung, không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Thân Thị Hồng Q. Cho chị Thân Thị Hồng Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giao cho chị Thân Thị Hồng Q nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Duy K - Sinh ngày 11/02/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Thân Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Thân Thị Hồng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q anh T tự nguyện tìm hiểu và kết kết hôn với nhau vào năm 2009 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị Q làm đơn xin ly hôn anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy Chị Q, anh T có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai bên có liên lạc níu kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa Chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay Chị Q kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh T, anh T đề nghị Chị Q suy nghĩ về đoàn tụ, nếu Chị Q kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Chị Q cho Chị Q được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung:

Chị Q anh T có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Duy K - Sinh ngày 11/02/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Q anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K và không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, Chị Q vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được nuôi cháu K, anh T đồng ý. Cháu K cũng có nguyện vọng ở với Chị Q khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cháu K cho Chị Q nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Thân Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị Hồng Q.

1. Cho chị Thân Thị Hồng Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Giao cho chị Thân Thị Hồng Q nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Duy K - Sinh ngày 11/02/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm nuôi cháu K không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Thân Thị Hồng Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Chị Q đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003369 ngày 15/5/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng